TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Trần Thanh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST-DS ngày 07/6/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-DS ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng V**; địa chỉ: 9 H, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là anh K, sinh năm 1994; địa chỉ liên hệ: Số 6 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* Anh **N**, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **T**, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Kiên Giang.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho anh N căn cứ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 29/8/2017. Ngày 05/9/2017 giải ngân số tiền vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); thời hạn vay là 16 tháng; mục đích mua đồ gia dụng; lãi suất vay 38%/năm, lãi suất thay đổi 03 tháng 01 lần.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, nhắc thanh toán nợ nhưng anh N cố tình né tránh không thực hiện trả nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh N và chị T phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay tạm tính đến ngày 09/5/2019 là 115.995.992 đồng. Trong đó nợ gốc là 63.072.864 đồng, nợ lãi 52.923.128 đồng và anh N, chị T phải thanh toán lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa: Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng chỉ yêu cầu anh N trả nợ cho Ngân hàng số tiền 136.322.011 đồng (trong đó nợ gốc 63.072.864 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 73.249.147 đồng), Ngân hàng không yêu cầu chị T cùng liên đới trả nợ.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T vắng mặt phiên tòa, nhưng tại biên bản ghi lời khai chị T trình bày:* Chị T và anh N sống chung nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung anh N có vay tiền của Ngân hàng nhưng không biết vay bao nhiêu, mục đích làm gì. Hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau nữa, việc vay tiền không liên quan gì đến chị T nên chị không có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh N, chị T vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Anh N có vay tiền của Ngân hàng; Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng đã ký đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị chấp chận yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh N ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng V, nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

[2] Về nội dung vụ án: Anh N có ký hợp đồng vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với Ngân hàng V (anh N ký hợp đồng ngày 24/8/2017), mục đích sử dụng mua đồ gia dụng; thời hạn vay là 16 tháng, thời hạn duy trì hạn mức thấu chi là 24 tháng.

Ngày 05/9/2017 anh N được giải ngân và rút tiền vay 70.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/11/2019 anh N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 63.072.864 đồng và nợ tiền lãi là 73.249.147 đồng. Anh N đã nhiều lần vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu anh N thanh toán ngay cho Ngân hàng số nợ trên, đồng thời phải trả lãi đến khi thanh toán xong số nợ.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu anh N và chị T cùng liên đới trả nợ, vì khi vay tiền anh N khai có vợ là chị T. Hợp đồng vay tiền chỉ có anh N thực hiện, chị T không cùng thực hiện nên không đồng ý cùng liên đới trả nợ. Tại phiên tòa Ngân hàng thay đổi yêu cầu, không yêu cầu chị T cùng liên đới trả nợ mà chỉ yêu cầu anh N trả nợ. Anh N không có ý kiến gì về việc Ngân hàng chỉ yêu cầu anh trả nợ, không yêu cầu chị T cùng liên đới trả. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc chỉ buộc anh N trả nợ.

Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng anh N cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của anh N là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn là Ngân hàng đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh N vay tiền, anh N không có ý kiến phản bác. Chị T là người sống chung với anh N cũng biết việc anh N vay tiền của Ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Theo đó, buộc anh N trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 136.322.011 đồng (trong đó: nợ gốc 63.072.864 đồng; nợ lãi 73.249.147 đồng). Đồng thời anh N phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng đã ký đối với số nợ chưa thi hành kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ, nhưng lãi suất phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh N chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 6.816.000 đồng.

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng V đối với anh N; buộc anh N trả cho Ngân hàng số tiền 136.322.011 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm hai mươi hai nghìn không trăm mười một đồng). Trong đó: nợ gốc 63.072.864 đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng); nợ lãi 73.249.147 đồng (Bảy mươi ba triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ, nhưng lãi suất phải phù hợp quy định của pháp luật.

2. Án phí sơ thẩm: Anh N chịu án phí là 6.816.000 đồng (Sáu triệu tám trăm

mười sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000184 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận., tỉnh Kiên Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận